

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-PT.
Ngày 05 tháng 5 năm 2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Tiến

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Kim Ái

Bà Nguyễn Thị Thùy Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Ông Nguyễn Quỳnh Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2020/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 35/2019/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2020/QĐXXPT - HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ánh U**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Khu 5, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

Bị đơn: Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khu 5, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Duy H - Luật sư Công ty Luật TNHH N - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Số 47, ngách 141, tổ 10B, ngõ T, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người kháng cáo: anh Lê Văn T - bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ánh U trình bày: Chị và anh Lê Văn T đăng ký kết hôn ngày 10/3/2015 tại UBND xã Đ, huyện T trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu. Sau khi

kết hôn, vợ chồng chung sống với bố mẹ chồng, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, đến khoảng tháng 10/2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T chơi bời, cờ bạc không quan tâm đến gia đình vợ con, có lúc còn chửi đánh chị. Vợ chồng đã nhiều lần tự hòa giải nhưng không thành. Hiện nay chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã Y, huyện T sinh sống. Vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Lê Quang T2, sinh ngày 16/10/2015. Hiện cháu đang ở với anh T, khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Chị không đề nghị giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Văn T trình bày: Anh nhất trí với trình bày của chị U về quá trình kết hôn. Anh cho rằng quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, không có mâu thuẫn lớn. Chị U xin phép lên nhà bố mẹ đẻ chơi nhưng sau đó không về nhà, sau đó chị bỏ đi Hà Nội làm ăn. Anh đã lên gặp, nói chuyện và thuyết phục chị U nhiều lần quay về vợ chồng chung sống nhưng chị U không đồng ý. Nay chị U đề nghị ly hôn, anh không đồng ý ly hôn, anh xin đoàn tụ.

Về con chung: Anh chị có 1 con chung là cháu Lê Quang T2, sinh ngày 16/10/2015. Hiện cháu đang ở với anh và gia đình, trong trường hợp ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị U cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Anh không đề nghị giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Nguyễn Duy H đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn xin ly hôn của chị U để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 35/2019/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

- Căn cứ Khoản 4, Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1, Điều 56; Điều 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Ánh U được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Xử giao cho chị U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Quang T2, sinh ngày 16/10/2015 kể từ tháng 10/2019 cho đến khi cháu T2 thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị U, hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, về nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Chị U anh T không đề nghị tòa án giải quyết vì vậy HĐXX không đặt ra giải quyết.

Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án.

Ngày 08/11/2019 anh Lê Văn T kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm, không giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn và nếu cho ly hôn thì đề nghị để anh được quyền trực tiếp nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Lê Văn T đề nghị được đoàn tụ để vợ chồng cùng nuôi dạy con. Nếu Tòa án vẫn xử cho anh chị ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi con chung là cháu Lê Quang T2. Cháu T2 ở với ông bà từ nhỏ nên giao con cho anh để cho ông bà nuôi.

Chị Nguyễn Thị Ánh U không đồng ý đoàn tụ, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Lê Văn T là ông Nguyễn Duy H trình bày: Về quan hệ hôn nhân là quyền riêng của anh T và chị U nên ông không có ý kiến. Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lê Quang T2 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng vì anh T chị U làm còn chưa đủ ăn, chị U đi làm xa nên thực tế ông bà nội đã nuôi cháu T2 từ nhỏ đến giờ, chị U đăng lên facebook những lời không hay nên giao cháu T2 cho chị U giáo dục sẽ không đảm bảo sự phát triển của cháu T2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh Lê Văn T, giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Lê Văn T đúng hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về kháng cáo của anh Lê Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy:

* Đối với nội dung kháng cáo xin đoàn tụ: Năm 2015 anh T và chị U kết hôn, anh chị đã có một con chung. Tuy thời gian chung sống chưa dài nhưng vợ

chồng đã có nhiều mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân. Nguyên nhân do anh T chơi bời, không quan tâm đến vợ con như chị U khai là có cơ sở. Hiện đời sống chung vợ chồng không tồn tại, mỗi người sống một nơi không ai quan tâm đến ai, nhưng anh T, chị U cũng không có biện pháp để hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được cho nên Tòa án cấp sơ thẩm xử cho chị U, anh T ly hôn là đúng.

* Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung: Anh chị có một con chung là cháu Lê Quang T2, sinh ngày 16/10/2015. Khi ly hôn việc để người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng con sẽ đảm bảo tốt hơn cho sự phát triển của người con, phù hợp với quy định của pháp luật hôn nhân gia đình và phong tục, tập quán của người Việt. Chị U có thu nhập ổn định, có nơi ở là nhà bố mẹ đẻ, có đầy đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con. Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T cho rằng chị U đăng lên facebook những lời không hay nên giao cháu T2 cho chị U giáo dục sẽ không đảm bảo sự phát triển của cháu T2 là thiếu cơ sở. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm anh T đề nghị Tòa án giao con cho anh để cho ông bà nuôi là không phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Cho nên Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu T2 cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng là đúng.

Vì vậy, kháng cáo của anh T không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Văn T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 35/2019/HNGĐ - ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Căn cứ Khoản 4, Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1, Điều 56; Điều 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Ánh U được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Xử giao cho chị U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Quang T2, sinh ngày 16/10/2015 kể từ tháng 10/2019 cho

đến khi cháu T2 thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị U, hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, về nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Chị U anh T không đề nghị tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2] Án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Buộc anh Lê Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh Lê Văn T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2017/0001661 ngày 20/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Việt Tiến